

NHỮNG CHIẾN SĨ QUÊ QUẢNG BÌNH TRONG ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

HỒ NGỌC DIỆP

Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình

Khi nghiên cứu về lịch sử ra đời và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng không ai có thể quên được sự kiện ra đời của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, với truyền thống đánh thắng trận đầu mở màn là chiến thắng Phai Khắt và Nà Ngàn khi tổ chức ấy vừa mới thành lập.

Có 34 người trong tổ chức này, được gọi là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đó là con số lịch sử đã định hình. Nhưng, để định hình con số ấy và lai lịch từng người từ năm 1992 đến 1994, khi Ban liên lạc Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân do cố Đại tướng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam Võ Nguyên Giáp đề nghị thành lập và trực tiếp chỉ đạo mà đồng chí Đàm Quang Trung được cử làm trưởng ban đã tiến hành nhiều cuộc hội thảo và tiến hành cử các thành viên trong ban đi tiếp xúc, điều tra, xác minh nhiều nhân chứng lịch sử ở nhiều địa phương trong cả nước.

Sau một thời gian nỗ lực hết mình, trưởng ban Đàm Quang Trung đã trình lên cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp danh sách cụ thể gồm họ tên, bí danh, năm sinh, quê quán, nơi công tác, chỗ ở hiện tại, của 34 chiến sĩ đã sắp thành đội ngũ giơ tay thề trước quốc kỳ khoảng 5 giờ chiều ngày 22/12/1944, trong gần 100 người có mặt đứng chung quanh tại buổi lễ long trọng, diễn ra tại một khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Sau đó, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã ấn hành

một cuốn sách mang tên “Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân”. Trong Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ấy, Quảng Bình - quê hương của Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, có đóng góp 3 người con. Bài viết dưới đây sẽ giới thiệu đôi nét về thân thế, sự nghiệp những người đó.

Trước hết, đó là Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, người được Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh ủy nhiệm tổ chức lãnh đạo và chỉ huy Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, sinh năm 1911 tại Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy. Xuất thân trong một gia đình nghèo. Năm 1927, tham gia Đảng Tân Việt cách mạng, năm 1929 cùng một số đồng chí tiến hành cải tổ Tân Việt Cách mạng Đảng thành Đông Dương Cộng sản liên đoàn, một trong 3 tổ chức sau này hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1940, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và được cử sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Năm 1941, ông về nước tham gia công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở căn cứ địa Cao Bắc Lạng. Tháng 12/1944, ông được Bác Hồ giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Trước, trong và sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam), ông giữ nhiều chức vụ quan trọng hàng đầu trong tổ chức Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt, ông đã có công lớn là tổng chỉ huy quân đội ta chiến đấu và chiến thắng 2 đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, giải phóng

hoàn toàn Việt Nam thoát khỏi ách thống trị của ngoại quốc. Ông là học trò xuất sắc của lãnh tụ Hồ Chí Minh, được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều Huân Huy chương cao quý khác. Ông mất ngày 4/10/2013, thọ 103 tuổi.

Kể đến là Đội trưởng Hoàng Sâm. Tên thật là Trần Văn Kỳ, sinh năm 1915 tại làng Lệ Sơn, xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa. Với tư chất kiên định, nhanh nhẹn, lúc 12 tuổi đã được tổ chức cách mạng chọn sang Thái Lan học tập và trở thành liên lạc cho Bác Hồ. Năm 1933, ông được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1940, Hoàng Sâm được cử đi dự lớp huấn luyện do Bác Hồ và các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh tổ chức tại Quảng Tây, Trung Quốc, sau đó trở về tham gia Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Năm 1941, ông làm Đội trưởng đội vũ trang tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh. Cuối năm đó làm đội phó đội bảo vệ khu căn cứ Pắc Pó, bảo vệ Bác Hồ, tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng và tiểu phi, trừ gian ở vùng biên giới phía Bắc. Bác Hồ và đồng chí Võ Nguyên Giáp là người chỉ định Hoàng Sâm làm Đội trưởng Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (1944) và trực tiếp chỉ huy nhiều trận đánh thắng lớn, chiến công vang dội. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, thực dân Pháp có dã tâm cướp nước ta một lần nữa. Nhằm bảo toàn lực lượng chiến đấu lâu dài, Đảng và Bác Hồ chủ trương kêu gọi toàn quân toàn dân thực hiện trường kỳ kháng chiến. Đầu năm 1947, đồng chí Hoàng Sâm được cử làm Tư lệnh mặt trận Tây Tiến nhằm duy trì lực lượng quân đội còn non trẻ của ta theo chủ trương cách mạng ấy. Năm 1953, đồng chí Hoàng Sâm được điều về chỉ huy mặt trận Trung Lào, ông đã phối kết hợp với giải phóng quân Lào giải phóng Trung Lào, Hạ Lào và tiến xuống giải phóng cả tỉnh

Công-pông Chàm ở Campuchia, góp phần quan trọng quét sạch lực lượng quân đội viễn chinh Pháp ra khỏi Đông Dương (1954).

Sau hiệp định Giơnevơ, đồng chí Hoàng Sâm được cử làm tổng chỉ huy tiếp quản thành phố Hải Phòng, sau đó làm Tư lệnh lần lượt của quân khu tả ngạn, hữu ngạn và quân khu III.

Năm 1962, đồng chí Hoàng Sâm được giao nhiệm vụ sang giúp cách mạng Lào. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ quốc tế xong giữa năm 1968, đồng chí Hoàng Sâm được cử vào làm Tư lệnh quân khu Trị Thiên đóng quân ở A Lưới, phía tây thành phố Huế thay cho đồng chí Trần Văn Quang. Nhưng chỉ được một thời gian, ông lâm bệnh nặng và được phép cấp tốc ra Bắc điều trị. Do bệnh quá nặng đường xa, hiểm trở nên ông đã qua đời trên đường đi ở tuổi 53.

Người cuối cùng là đội viên Võ Văn Luận. Ông có tên thật là Võ Văn Dánh, sinh năm 1905 trong gia đình nghèo ở thôn Đồng Lâm, xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa. Vì gia đình nghèo khó nên năm 12 tuổi, ông đã sang Lào, sau đó sang Thái Lan để làm ăn kiếm sống. Tại Thái Lan ông được giác ngộ cách mạng và năm 18 tuổi, ông tham gia rải truyền đơn cách mạng nên đã bị cảnh sát Thái Lan bắt giam. Khi ở tù, ông khai cha là người Tàu, mẹ là người An Nam nên khi ra tù (1938) ông bị trả về Trung Quốc.

Tại đây, may mắn ông được các đồng chí Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn dìu dắt cho tham gia các khóa học huấn luyện và vinh dự được tham gia cuộc vận lý trường chinh của quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.

Năm 1943, ông về nước hoạt động với cái tên Võ Văn Luận. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã dìu dắt và sắp xếp ông vào Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ngày 22/12/1944. Đồng chí Võ Văn Luận cùng đội đã lập được nhiều chiến công xuất sắc sau ngày

tổ chức này được thành lập. Năm 1947, đồng chí Võ Văn Luận tham gia đoàn quân Tây Tiến. Nhưng khi lên đến Sơn La, ông bị bệnh nặng nên buộc phải quay về Việt Bắc. Sau đó, ông được điều về khu IV. Sau 30 năm nay trở lại quê hương biết bao buồn vui đã đến với ông, sau đó ông xây dựng gia đình và tham gia phong trào cách mạng ở địa phương. Một chiến công huy hoàng là giữa ban ngày ông đã bắt sống tên việt gian khét tiếng là Võ Cảnh tại chợ Ba Đồn giao nộp cho đồng chí Nguyễn Sĩ Đồng (tức Đồng Sĩ Nguyên).

Năm 1951, ông được Trung ương gọi ra để

sang Lào hoạt động. Nhưng sau hơn một năm, bệnh tình cũ tái phát, ông đành chia tay quân đội, về sống tại quê nhà và tham gia nhiều công tác đoàn thể ở địa phương. Ông qua đời tại quê nhà năm 1991, thọ 86 tuổi.

Có thể nói, ba người con của Quảng Bình trong Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là niềm tự hào của lực lượng quân đội Quảng Bình nói riêng và của mọi người dân nói chung. Chính họ đã góp sức mình để tô đẹp truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam trong đánh giặc, giữ nước để đất nước Việt Nam ngày một cường thịnh, mạnh giàu ■

Tài liệu tham khảo:

1. Minh Tuệ, Chuyện về Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, *Nguyệt san của Báo Quân đội nhân dân*, tháng 12/2010.
2. Tóm tắt tiểu sử Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Báo Quảng Bình*, 7/10/2013.
3. Phan Viết Dũng, Người đội trưởng đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, *Tạp chí Văn hóa Quảng Bình*, tháng 12/2009.
4. Hồ Duy Thiện, Võ Văn Luận - người chiến sĩ giải phóng quân năm xưa, *Tạp chí Văn hóa Quảng Bình*, tháng 11/2011.

ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC VĂN HÓA... (Tiếp theo trang 44)

chưa muốn về, họ tiến nhau, tay cầm tay, mắt nhìn mắt mà lòng vẫn luyến lưu: “Mình về ta chẳng cho về, ta nắm lại áo ta đề bài thơ/ Bài thơ ba chữ rành rành/ Chữ trung chữ hiếu, chữ tình là ba/ Chữ trung để giành phần cha/ Chữ hiếu phần mẹ, đôi ta chữ tình...”.

Trong cuộc sống, trong lao động, là các loại hò, hò khoan, hò giả gạo, hò chèo đò... Hò giả gạo ra đời trong lao động, trai gái hò bên cối giả gạo, hò khi cấy lúa để tỏ tình.

Các loại hình của văn hóa dân gian vùng thượng nguồn sông Gianh rất phong phú và đa dạng, đặc biệt hò nhân nghĩa là biểu hiện các cung bậc về tình cảm, về lòng chung thủy, về chữ nhân, chữ nghĩa. Hơn ai hết người con gái phải có bốn phận với công ơn cha mẹ, ví như: Nam hò: “Anh thương em không dám vô nhà/ Giã bộ đi quanh hàng xóm hỏi gà có bán

không?”. Nữ đáp: “Anh ơi phận rể thì phải lòn ra cúi/ Anh phải gắng công sớm túi đến thăm/ Dù có lâu chẳng nữa cũng một vài năm...”.

Ca dao dân ca, hò đối đáp, hò nhân nghĩa, hò giao duyên... là kho tàng văn học dân gian đáng quý, là di sản văn hóa phi vật thể có giá trị của vùng đất thượng nguồn sông Gianh, nó được sáng tạo và thấm đẫm bao đời, nó quyện chặt với rừng núi, với khe suối, với bờ tre bên nước, sân đình, với đầu sông, cầu hò, điệu hát vẫn lưu truyền qua bao thế hệ, hun đúc bản lĩnh cốt cách, tình cảm của con người nơi đây. Dòng văn học dân gian truyền thống của vùng đất này là di sản văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc cần được khai thác, bảo tồn phát huy giá trị trong xu thế hội nhập, trong phát triển du lịch văn hóa hiện nay của Quảng Bình ■